

Số: 2822531

|                                                | Mazda2 Sport 1.5L Luxury                        | Kia New Seltos 1.5 AT |
|------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>537.000.000đ</b>                             | <b>599.000.000đ</b>   |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |                                                 |                       |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4080 x 1695 x 1515                              | 4365 x 1800 x 1645    |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2570                                            | 2610                  |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5000                                            | 5300                  |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 143                                             | 190                   |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1092                                            | 1234                  |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1524                                            | 1690                  |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 280                                             | 433                   |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 44                                              | 50                    |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                                               | 5                     |
| Nguồn gốc                                      | Nhập Khẩu                                       | SX-LR trong nước      |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |                                                 |                       |
| Loại động cơ                                   | Skyactiv-G 1.5L                                 | Smartstream 1.5G      |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1496                                            | 1497                  |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 110 / 6000                                      | 113 Hp/ 6.300 rpm     |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 144 / 4000                                      | 144 Nm/ 4.500 rpm     |
| Hộp số                                         | 6AT                                             | Hộp số vô cấp CVT     |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)                                 | Cầu trước (FWD)       |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Mc Pherson                              | McPherson             |
| Hệ thống treo sau                              | Thanh xoắn                                      | Thanh cân bằng        |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                                             | Đĩa                   |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                                             | Đĩa                   |
| Thông số lốp xe                                | 185/60 R16                                      | 215/60 R17            |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 7.48                                            |                       |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 5.04                                            |                       |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 5.93                                            |                       |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | ●                                               | -                     |
| Chế độ lái                                     | Normal/Sport                                    | Normal/Eco/Sport      |
| Trang bị khác                                  | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao<br>GVC Plus |                       |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |                                                 |                       |
| Cụm đèn trước                                  | LED                                             | Halogen               |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                                               | ●                     |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | -                                               | -                     |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                                               | -                     |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | -                                               | -                     |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                                               | Halogen               |
| Đèn sương mù                                   | -                                               | Halogen               |
| Cụm đèn sau                                    | Halogen                                         | Halogen               |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                                               | ●                     |
| Gạt mưa tự động                                | ●                                               | -                     |
| Cửa sổ trời                                    | -                                               | -                     |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>                   |                                                 |                       |

|                                                 |                  |          |
|-------------------------------------------------|------------------|----------|
| Vô lăng bọc da                                  | ●                | Urethane |
| Chất liệu ghế                                   | Da + Nỉ          | Da       |
| Ghế người lái chỉnh cơ                          | ●                | ●        |
| Ghế người lái chỉnh điện                        | -                | -        |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                     | -                | -        |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ              | ●                | ●        |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện            | -                | -        |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát             | -                | -        |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi                | -                | -        |
| Hàng ghế trước có tính năng massage             | -                | -        |
| Tính năng cửa hít                               | -                | -        |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                          | ●                | ●        |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin                   | Analog + Digital | 4.2"     |
| Màn hình HUD                                    | -                | -        |
| Màn hình giải trí trung tâm                     | 7"               | 8"       |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto              | ●                | ●        |
| Hệ thống điều hòa tự động                       | ●                | Chỉnh cơ |
| Số vùng khí hậu điều hòa                        | 1                |          |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                        | -                | ●        |
| Chìa khóa thông minh                            | ●                | ●        |
| Khởi động nút bấm                               | ●                | ●        |
| Khởi động từ xa                                 | -                | ●        |
| Hệ thống âm thanh                               | 6 loa            | 6 loa    |
| Lấy chuyển số                                   | ●                | -        |
| Sạc không dây Qi                                | -                | -        |
| Phanh đỗ điện tử                                | -                | -        |
| Giữ phanh tự động Autohold                      | -                | -        |
| Đèn trang trí nội thất                          | -                | -        |
| Rèm che nắng                                    | -                | -        |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX                      | ●                | ●        |
| <b>AN TOÀN:</b>                                 |                  |          |
| Số túi khí                                      | 2                | 2        |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●                | ●        |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●                | ●        |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●                | ●        |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ●                |          |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●                | ●        |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●                |          |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●                | ●        |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●                | ●        |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ●                | -        |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Sau              | ●        |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | -                | -        |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | -                | -        |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | -                | -        |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | -                | -        |

|                                          |   |   |
|------------------------------------------|---|---|
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động           | - |   |
| Hệ thống điều khiển hành trình           | ● | - |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng | - | - |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp            | - | - |
| Camera lùi                               | ● | ● |